TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH CHƠN THÀNH
DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# BẢNG TỔNG HỢP CÁC PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ CỦA TỪNG NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI

**Dự án: Công trình đường dây 110kV trạm 220kV Bến Cát - trạm 220kV Chơn Thành (phường Chơn Thành - Đợt 01)**

*(Kèm theo Công văn số /TTPTQĐ.CNCT ngày / / của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Chơn Thành)*

| STT | Số PACT | Họ và tên | Địa chỉ chủ sử dụng | Số CCCD/CC | Thông tin thửa đất thu hồi | | | | | | | | | | A. Giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định | | | | | | | | | | | B. Tái định cư | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Địa chỉ thửa đất | BĐ trên GCNQSDĐ | | Số tờ BĐ (Theo CV số 106/VPĐK-KTĐC ngày 08/7/2025 của VP ĐKĐĐ) | | Diện tích đất bị ảnh hưởng ($m^2$) | | | | | Đất *(đồng)* | Nhà, công trình *(đồng)* | Cây trồng *(đồng)* | Vật nuôi *(đồng)* | Di chuyển *(đồng)* | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(đồng)* | Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề *(đồng)* | Hỗ trợ ổn định đời sống thu hồi đất nông nghiệp *(đồng)* | Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh *(đồng)* | Khen thưởng *(đồng)* | Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định *(đồng)* | Tổng số ô được bố trí | Dự kiến bố trí tại khu dân cư Thành Tâm | |
| | | | | | | Số thửa | Số tờ BĐ | Số thửa | Số tờ BĐ | Tổng diện tích ảnh hưởng | Đất phi NN (thu hồi) | Đất phi NN (hỗ trợ hành lang bảo vệ đường điện) | Đất NN (thu hồi) | Đất NN (hỗ trợ hành lang bảo vệ đường điện) | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) | (23) | (24) | (25) | (26) | (27) | (28) | (29) |
| 1 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Ông Trịnh Duy Mạnh và bà Trịnh Thị Oanh | Phường Tây Nam, thành phố Hồ Chí Minh | 038088048171 038188043965 | Khu phố Đồng Hưu | 79 | 5 | 79 | 131 | 1.627,0 | 0 | 0 | 50,4 | 1.576,6 | 288.569.600 | 0 | 18.708.123 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **307.277.723** | 0 | 0 | |
| 2 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Ông Trịnh Duy Mạnh và bà Trịnh Thị Oanh | Phường Tây Nam, thành phố Hồ Chí Minh | 038088048171 038188043965 | Khu phố Đồng Hưu | 60 | 5 | 60 | 131 | 576,8 | 0 | 0 | 0,0 | 576,8 | 126.896.000 | 0 | 884.580 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **127.780.580** | 0 | 0 | |
| 3 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Ông Trịnh Duy Mạnh và bà Trịnh Thị Oanh | Phường Tây Nam, thành phố Hồ Chí Minh | 038088048171 038188043965 | Khu phố Đồng Hưu | 67 | 5 | 67 | 131 | 3,2 | 0 | 0 | 0,0 | 3,2 | 704.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **704.000** | 0 | 0 | |
| 4 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Bà Nguyễn Thanh Tú | Khu phố Đồng Tâm, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai | 075189002472 | Khu phố Đồng Hưu | 583 | 132 | 583 | 132 | 1.773,2 | 0 | 0 | 0,0 | 1.773,2 | 390.104.000 | 0 | 7.979.400 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **398.083.400** | 0 | 0 | |
| 5 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Bà Nguyễn Thanh Tú | Khu phố Đồng Tâm, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai | 075189002472 | Khu phố Đồng Hưu | 147 | 131 | 147 | 131 | 1.092,0 | 0 | 0 | 222,0 | 870,0 | 252.450.000 | 0 | 5.913.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **258.363.000** | 0 | 0 | |
| 6 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Ông Trần Văn Thuỷ và bà Lê Thị Hàn | Phường Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh | 038089034890 | Khu phố Đồng Hưu | 304 | 6 | 304 | 132 | 92,9 | 0 | 0 | 0,0 | 92,9 | 20.438.000 | 0 | 227.700 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **20.665.700** | 0 | 0 | |
| 7 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Ông Lê Xuân Hưng và bà Mai Thị Liên | Phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh | 038082050208 038184051114 | Khu phố Đồng Hưu | 61 | 5 | 61 | 131 | 113,5 | 0 | 0 | 0,0 | 113,5 | 24.970.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **24.970.000** | 0 | 0 | |
| 8 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Ông Trần Gia Phú | Phường Minh Phụng, thành phố Hồ Chí Minh | 079084006432 | Khu phố Đồng Hưu | 27 | 5 | 27 | 131 | 887,4 | 0 | 0 | 0,0 | 887,4 | 195.228.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **195.228.000** | 0 | 0 | |
| 9 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Ông Nguyễn Văn Hiền và bà Lê Thị Thuỷ | Phường Tam Bình, thành phố Hồ Chí Minh | 038075002803 040180000485 | Khu phố Đồng Hưu | 300 | 6 | 300 | 132 | 66,2 | 0 | 0 | 0,0 | 66,2 | 14.564.000 | 0 | 97.650 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **14.661.650** | 0 | 0 | |
| 10 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Ông Nguyễn Văn Hiền và bà Lê Thị Thuỷ | Phường Tam Bình, thành phố Hồ Chí Minh | 038075002803 040180000485 | Khu phố Đồng Hưu | 299 | 6 | 299 | 132 | 62,9 | 0 | 0 | 0,0 | 62,9 | 13.838.000 | 0 | 77.850 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **13.915.850** | 0 | 0 | |
| 11 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Ông Mai Ngọc Hoàng và bà Phạm Thị Hợp | Phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh | 075083022712 036190018496 | Khu phố Đồng Hưu | 614 | 6 | 614 | 132 | 38,4 | 0 | 0 | 0,0 | 38,4 | 8.448.000 | 0 | 74.700 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **8.522.700** | 0 | 0 | |
| 12 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Ông Mai Ngọc Hoàng và bà Phạm Thị Hợp | Phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh | 075083022712 036190018496 | Khu phố Đồng Hưu | 615 | 6 | 615 | 132 | 40,3 | 0 | 0 | 0,0 | 40,3 | 8.866.000 | 0 | 83.700 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **8.949.700** | 0 | 0 | |
| 13 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Bà Phạm Thụy Tú Mơ | Phường Phú An, thành phố Hồ Chí Minh | 079183016938 | Khu phố Đồng Hưu | 305 | 6 | 305 | 132 | 100,7 | 0 | 0 | 0,0 | 100,7 | 22.154.000 | 0 | 130.764 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **22.284.764** | 0 | 0 | |

| STT | Số PACT | Họ và tên | Địa chỉ chủ sử dụng | Số CCCD/CC | Thông tin thửa đất thu hồi | | | | | | | | | | A. Giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định | | | | | | | | | | | B. Tái định cư | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Địa chỉ thửa đất | BĐ trên GCNQSDĐ | | Số tờ BĐ (Theo CV số 106/VPĐK-KTĐC ngày 08/7/2025 của VP ĐKĐĐ) | | Diện tích đất bị ảnh hưởng (m²) | | | | | Đất (đồng) | Nhà, công trình (đồng) | Cây trồng (đồng) | Vật nuôi (đồng) | Di chuyển (đồng) | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng) | Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề (đồng) | Hỗ trợ ổn định đời sống thu hồi đất nông nghiệp (đồng) | Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (đồng) | Khen thưởng (đồng) | Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định (đồng) | Tổng số ô được bố trí | Dự kiến bố trí tại khu dân cư Thành Tâm | |
| | | | | | | Số thửa | Số tờ BĐ | Số thửa | Số tờ BĐ | Tổng diện tích ảnh hưởng | Đất phi NN (thu hồi) | Đất phi NN (hỗ trợ hành lang bảo vệ đường điện) | Đất NN (thu hồi) | Đất NN (hỗ trợ hành lang bảo vệ đường điện) | | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) | (23) | (24) | (25) | (26) | (27) | (28) | (29) |
| 14 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Bà Nguyễn Thị Mộng Huỳnh | Phường An Phú, thành phố Hồ Chí Minh | 087189004092 | Khu phố Đồng Hưu | 59 | 5 | 59 | 131 | 107,5 | 0 | 0 | 0,0 | 107,5 | 23.650.000 | 0 | 76.920 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **23.726.920** | 0 | 0 | |
| 15 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Bà Lê Thị Phương | Khu phố Minh Thành, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai | 040150015880 | Khu phố Đồng Hưu | 25 | 5 | 25 | 131 | 889,7 | 0 | 0 | 0,0 | 889,7 | 195.734.000 | 0 | 21.846.240 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **217.580.240** | 0 | 0 | |
| 16 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Ông Đỗ Văn Hùng và bà Vũ Thị Bim | Khu phố Minh Thành, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai | 070056000580 | Khu phố Đồng Hưu | 81 | 5 | 81 | 131 | 92,5 | 0 | 0 | 0,0 | 92,5 | 20.350.000 | 0 | 2.954.485 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **23.304.485** | 0 | 0 | |
| 17 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Ông Đỗ Văn Dũng và bà Nguyễn Thị Dung | Khu phố Minh Thành, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai | 070076004663<br>070184002111 | Khu phố Đồng Hưu | 82 | 5 | 82 | 131 | 18,0 | 0 | 0 | 0,0 | 18,0 | 3.960.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **3.960.000** | 0 | 0 | |
| 18 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Ông Nguyễn Đình Úc | Xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên | 033073003071 | Khu phố Đồng Hưu | 587 | 6 | 587 | 132 | 958,7 | 0 | 0 | 0,0 | 958,7 | 210.914.000 | 0 | 26.590.365 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **237.504.365** | 0 | 0 | |
| 19 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Hộ bà Phạm Thị Lan và ông Nguyễn Văn Trương | Khu phố Đồng Hưu, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai | 026172007377<br>026067008247 | Khu phố Đồng Hưu | 52 | 5 | 52 | 131 | 708,7 | 0 | 0 | 151,2 | 557,5 | 164.230.000 | 0 | 18.380.115 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **182.610.115** | 0 | 0 | |
| 20 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Hộ ông Võ Văn Việt và bà Hồ Thị Nguyệt | Khu phố Minh Thành, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai | 040169003396 | Khu phố Đồng Hưu | 28 | 5 | 28 | 131 | 101,3 | 0 | 0 | 0,0 | 101,3 | 22.286.000 | 0 | 1.291.686 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **23.577.686** | 0 | 0 | |
| 21 | CT/PACT-ĐĐ BC-CT | Hộ ông Đoàn Hùng Cường và bà Cao Thị Hoa | Xã Nam Gianh, tỉnh Quảng Trị | 044162008850 | Khu phố Đồng Hưu | 24 | 5 | 24 | 131 | 2.577,3 | 0 | 0 | 82,8 | 2.494,5 | 571.560.000 | 0 | 30.785.183 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **602.345.183** | 0 | 0 | |
| **Tổng** | | | | | | **21** | | **21** | | **11.928,2** | **0** | **0** | **506,4** | **11.421,8** | **2.579.913.600** | **0** | **136.102.461** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **2.716.016.061** | | | |